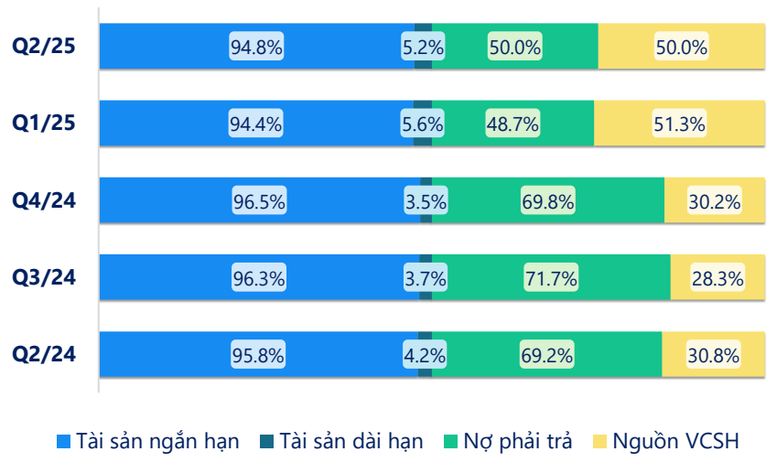
FireAnt

CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	5,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
SL cổ phiếu LH	7,893,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,960
% sở hữu nước ngoài	5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
P/E	5.6
EPS	950

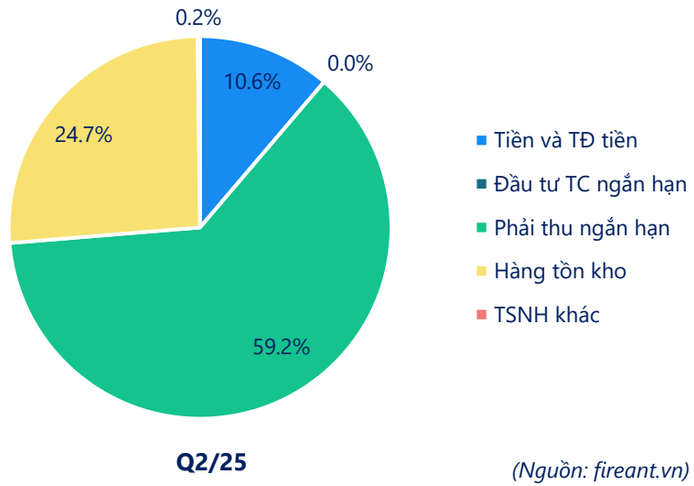
	YTD	1T	3T	6T
ONE	6.0%	6.0%	-3.6%	1.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



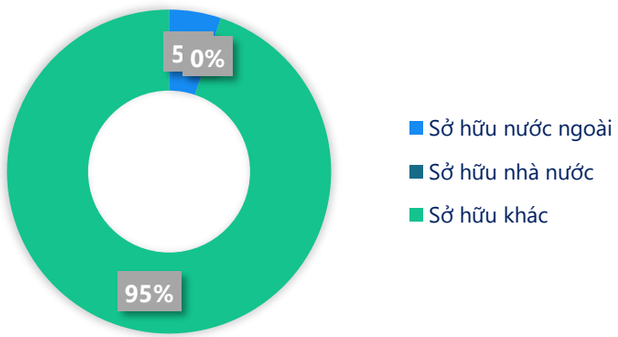
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



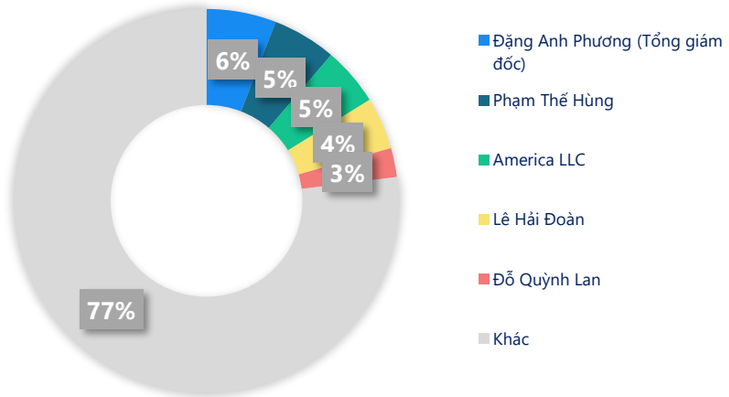
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



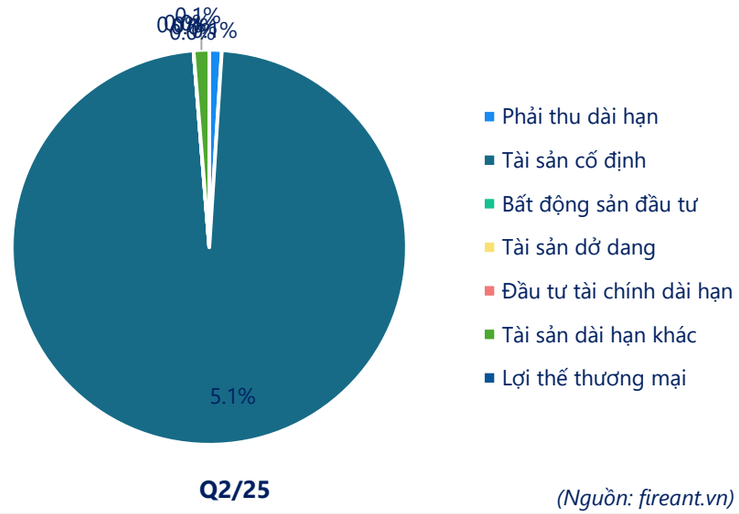
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

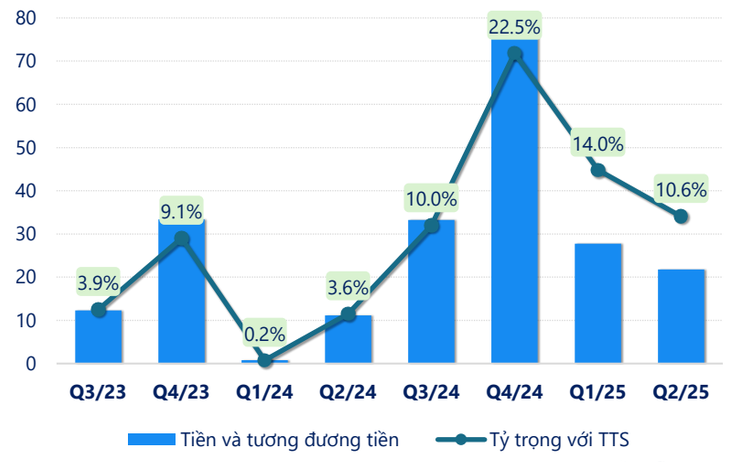


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

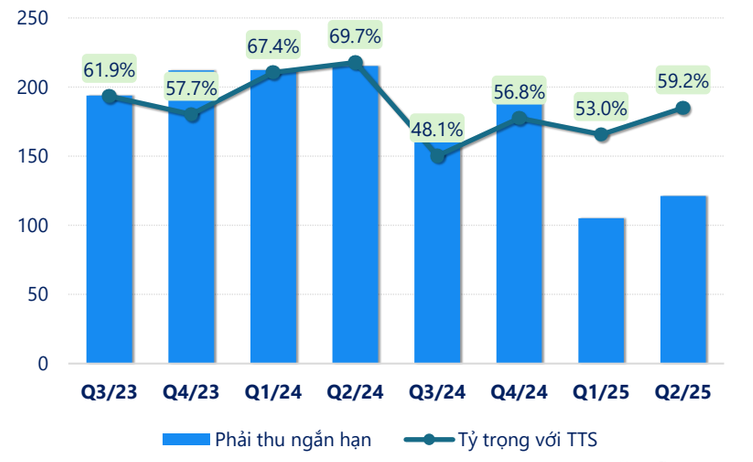
CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

Tiền và tương đương tiền



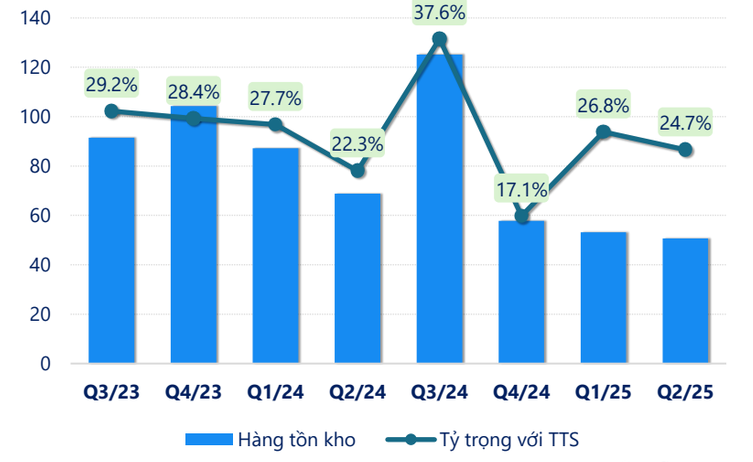
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



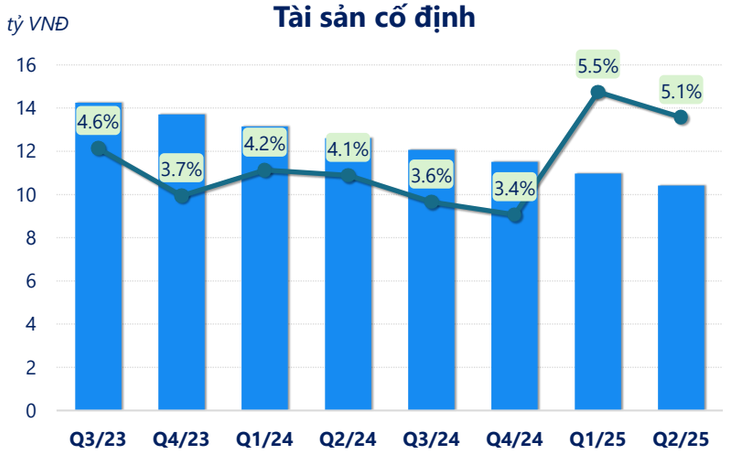
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



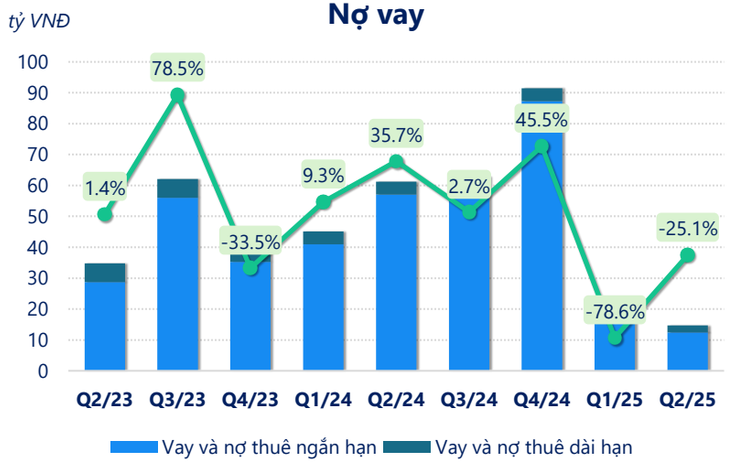
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



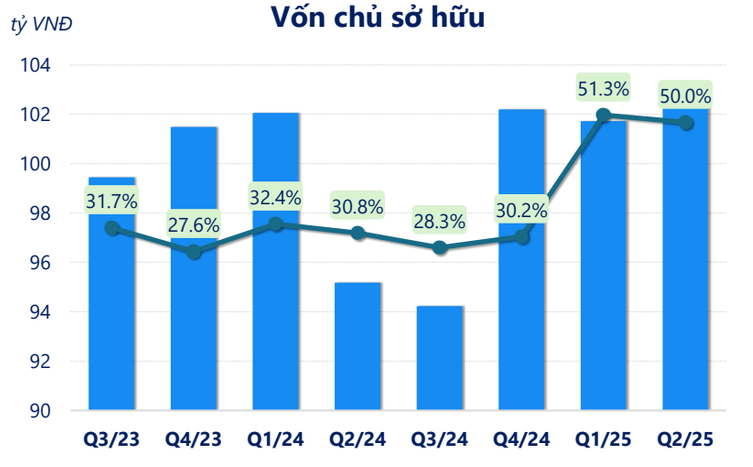
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

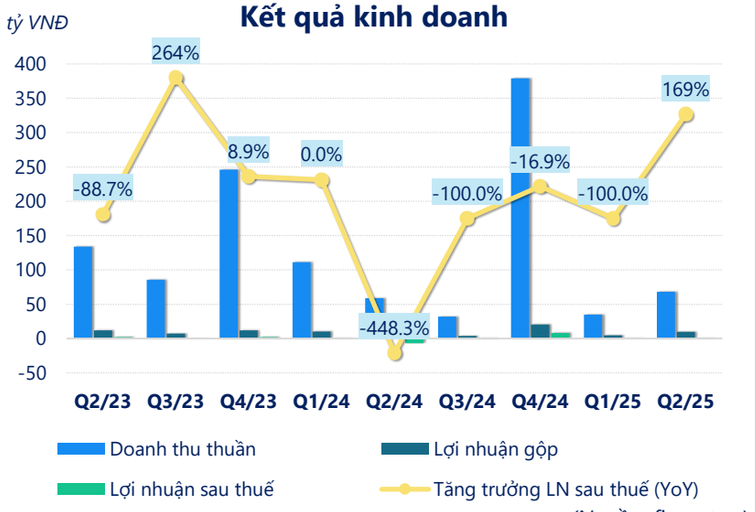
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

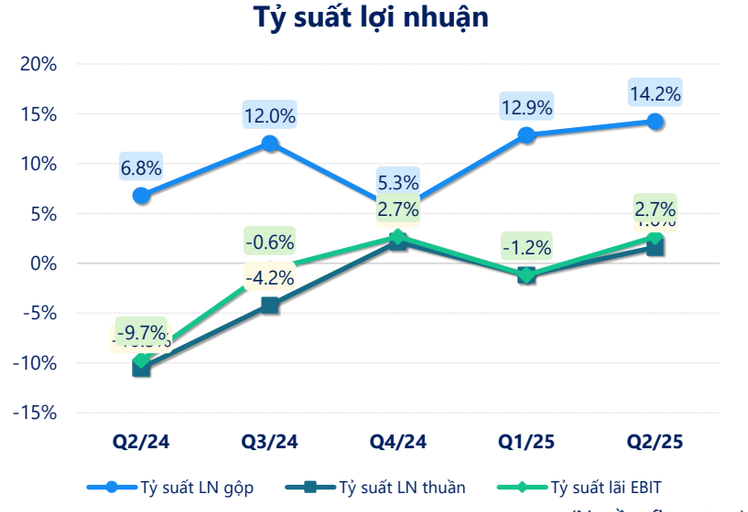
CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

Kết quả kinh doanh



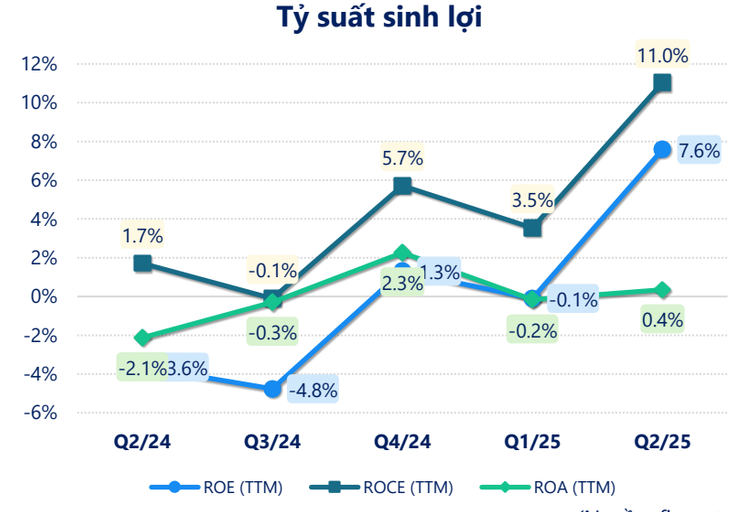
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



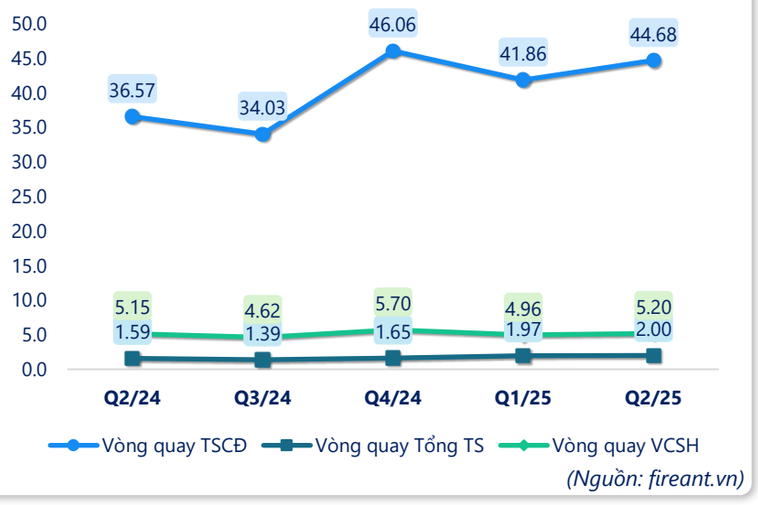
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



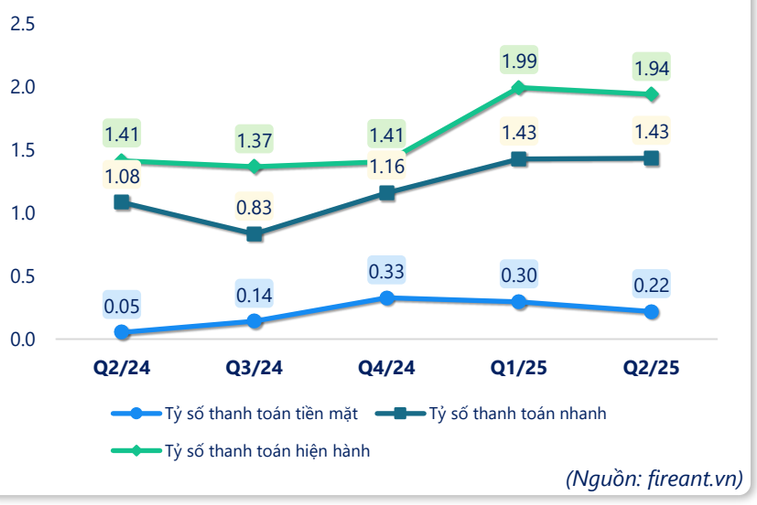
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



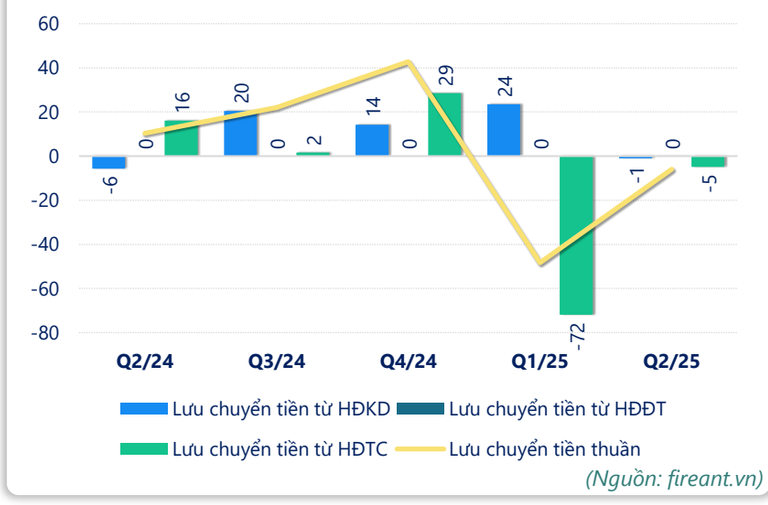
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**205**	**338**	**-39.5%**
Tài sản ngắn hạn	194	327	-40.6%
Tiền và tương đương tiền	21.8	76.0	-71.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	121	193	-37.1%
Hàng tồn kho	50.7	57.6	-12.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.40	0.49	-17.9%
Tài sản dài hạn	**10.7**	**11.7**	**-9.1%**
Phải thu dài hạn	0.11	0	
Tài sản cố định	10.4	11.5	-9.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.14**	**0.21**	**-36.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	102	236	-56.7%
Nợ ngắn hạn	**100**	**233**	**-57.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.4	88.2	-85.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	51.4	123	-58.1%
Nợ dài hạn	2.23	3.19	-30.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.23	3.19	-30.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**102**	**102**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**102**	**102**	**0.3%**
Vốn điều lệ	79.6	79.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	58.7	32.0	379	35.1	68.3
Giá vốn hàng bán	54.7	28.1	359	30.6	58.5
Lợi nhuận gộp	4.00	3.85	20.3	4.52	9.73
Doanh thu HĐTC	0.03	0.83	0.01	0.18	0.01
Chi phí TC	3.60	0.88	3.10	0.23	1.00
Chi phí lãi vay	1.26	0.74	1.62	0.02	0.72
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.51	0.52	0.38	0.45	0.96
Chi phí QLDN	6.08	4.62	8.68	4.43	6.68
LN thuần từ HĐKD	-6.16	-1.34	8.11	-0.41	1.11
Lợi nhuận khác	-0.80	0.39	0.31	-0.02	-0.01
LN trước thuế	-6.96	-0.95	8.43	-0.43	1.10
Lợi nhuận sau thuế	-6.69	-0.95	7.97	-0.43	0.91
LNST của CĐ cty mẹ	-6.69	-0.95	7.97	-0.43	0.91

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.71	20.4	14.2	23.6	-1.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.1	1.64	28.6	-71.8	-4.93
Tiền đầu kỳ	0.76	11.1	33.2	76.0	27.7
Lưu chuyển tiền thuần	**10.4**	**22.1**	**42.8**	**-48.3**	**-5.95**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	11.1	33.2	76.0	27.7	21.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic